TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Ông Võ Quang Truyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 433/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXX- ST ngày 27 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12-6-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T ; địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Ngh, phường Võ Thị S, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của ông S: Ông Cao Hiền Trí Ph, Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ.

Bị đơn: Ông Hồng Tấn D, sinh năm: 1977; địa chỉ: Số 14/14B, ấp Long H, xã Trường T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 23-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài G trình bày: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Hồng Tấn D vay vốn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 2436319 ngày 01-12-2022; hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng, biện pháp bảo đảm: tín chấp. Lãi suất: 2,77% tháng, quá hạn 150% lãi trong hạn. Cụ thể quá trình giao dịch như sau:

+ Trong kỳ tháng 10-12-2022 ông Dũng bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng và kích hoạt rút số tiền: 100.000 đồng, lãi phát sinh: 0 đồng. Nên số dư cuối kỳ còn: 100.000 đồng. Số tiền này được chuyển sang đầu kỳ tháng 01-2023 .

+ Số tiền đầu kỳ tháng 01-2023: 100.000 đồng cộng với giao dịch: 49.469.000 đồng và lãi phát sinh: 1.255.326đồng, phí 50.000 đồng và có chi trả: 500.000 đồng, chốt cuối kỳ tháng 01-2023: 50.324.326 đồng.

+ Số tiền cuối kỳ trên chuyển qua đầu kỳ tháng 02-2023: 50.324.326 đồng cộng với giao dịch:1.079.100 đồng và phí: 50.000đồng+ lãi phát sinh: 1.514.688 đồng, có thanh toán 1.830.000 đồng chốt cuối kỳ tháng 02-2023: 51.138.114 đồng.

+ Số tiền cuối kỳ trên chuyển qua đầu kỳ tháng 03-2023: 51.138.114 đồng cộng với giao dịch: 1.193.000 đồng và phí: 50.000 đồng lãi phát sinh: 1.282.496 đồng, có thanh toán : 2.640.000 đồng, chốt cuối kỳ tháng 03-2023 còn: 51.023.610 đồng.

+ Số tiền cuối kỳ trên chuyển qua đầu kỳ tháng 04-2023: 51.023.610 đồng cộng với lãi phát sinh: 1.393.381 đồng, có thanh toán: 2.530.000 đồng, chốt cuối kỳ tháng 04-2023: 49.886.991đồng.

+ Số tiền cuối kỳ trên chuyển qua đầu kỳ tháng 05-2023: 49.886.991 đồng cộng với giao dịch: 213.000 đồng lãi phát sinh: 1.341.663 đồng, có thanh toán: 1.500.000 đồng, chốt cuối kỳ tháng 05-2023: 49.941.654 đồng. Chu kỳ cứ thế tương tự theo bảng sao kê.

Kể từ thời điểm 10-08-2023 ông D thanh toán lần sau cùng 5.000.000đồng và không còn thanh toán nợ Ngân hàng nữa.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Hồng Tấn D có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 70.861.794 đồng trong đó dư nợ gốc: 55.810.524 đồng, lãi trong hạn: 10.034.180 và quá hạn: 5.017.090 đồng tính đến ngày 23-5-2024 và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 01-12-2022 và điều khoản điều kiện hiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân.

Bị đơn ông Hồng Tấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị được Tòa án tống đạt hợp lệ, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do xem như bị đơn từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc và tiền lãi.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần cho ông Hồng Tấn D nhưng đến giờ này ộng D vẫn vắng mặt không lý do xem như ông D từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là ba năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngày 01-12-2022, Ngân hàng có cho ông Hồng Tấn D vay vốn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 2436319; hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng. Từ ngày 10-08-2023 ông D thanh toán lần sau cùng 5.000.000 đồng cho Ngân hàng và không còn thanh toán nợ Ngân hàng thì ngưng. Ngày 23-11-2023, Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu ông D hoàn trả số tiền còn nợ 56.273.640 đồng theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] *Về nội dung:* Ngày 01-12-2022, Ngân hàng có cho ông Hồng Tấn D vay vốn 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 2436319, mục đích vay tiêu dùng, vay tín chấp. Tính đến ngày 23-5-2024 ông D còn nợ tiền gốc và tiền lãi là 70.861.794 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 70.861.794 đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông D hoàn trả số tiền 70.861.794 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết Ngân hàng cung cấp chứng cứ cho Toà án là giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2436319 ngày 01-12-2022 có chữ ký và họ tên Hồng Tấn D (bút lục số 08, 09, 10, 11) thông báo giao dịch thẻ (bút lục từ 35 đến 46), biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng (bút lục số 75, 76), điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ cá nhân (bút lục từ số 47 đến 56). Qua đó, có cơ sở xác định ông D có vay vốn hạn mức thẻ 50.000.000 đồng của Ngân hàng. Quá trình giao dịch, ông D thực hiện giao dịch 05 kỳ thành tiền 52.054.100 đồng, đã thanh toán 06 kỳ thành tiền 14.000.000 đồng (bút lục số 97) là có thật. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D trả tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 23-5-2024 là 70.861.794 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 2436319 mà hai bên đã ký kết ngày 01-12-2022; biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng quy định lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng, lãi quá hạn là 150%/tháng của lãi suất trong hạn.

Xét yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, khi vay tiền hai bên có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, có thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi quá hạn thể hiện cụ thể rõ ràng trong biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng là phù hợp.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông D là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 429 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đối với ông Hồng Tấn D về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

Ông Hồng Tấn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T 70.861.794 (bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi mốt ngàn, bảy trăm chín mươi

bốn) đồng trong đó dư nợ gốc: 55.810.524 đồng, lãi trong hạn: 10.034.180 và quá hạn: 5.017.090 đồng tính đến ngày 23-5-2024.

Kể từ ngày 24-5-2024, ông Hồng Tấn D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi ông D thi hành xong các khoản vay theo quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 01-12-2022 và điều khoản điều kiện hiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân.

2. Về án phí: Ông Hồng Tấn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.543.089 (ba triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm tám mươi chín) đồng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí.

Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T 1.407.000 (một triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0010643 ngày 30-11-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các bên vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.HT;
- CCTHA TX.HT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

(đã ký)

Đào Thị Hiền